TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 63/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07-12-2017
V/v tranh chấp ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Thị Amina**;

Ông **Phan Ngọc Thạch**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Bùi Văn Cương**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Văn Vịnh** -Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 255/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Kim M**, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 20, ấp T B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 20, ấp T B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 26/4/2017 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Kim M trình bày:

Chị và anh Đ chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đ không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu về nhà đánh đập chị. Chị đã cố gắng nhẫn nhịn và cho anh Đ nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Anh chị không còn chung sống với nhau đến nay đã hơn 01 năm. Do hôn nhân không còn hạnh phúc, chị không còn tình cảm với anh Đ nên xin được ly hôn.

Anh chị có một chung tên Phạm Ngọc Anh T, sinh ngày 19/11/2004, đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn Đ trình bày:

Anh thống nhất với lời khai của chị M về các vấn đề hôn nhân và con chung, tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng thì anh không thừa nhận anh chị có mâu thuẫn như chị M trình bày. Nay anh vẫn còn tình cảm với chị M nên không đồng ý ly hôn.

Nếu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị M nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh Đ. Giao con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị M và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đ là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội

đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đ.

[2] Về hôn nhân*:*

Chị M và anh Đ đều thừa nhận chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn ngày 12/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Anh chị cũng thừa nhận quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn từ đầu năm 2016 đến nay không hàn gắn được. Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật.

Chị M cho rằng anh Đ không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu về nhà đánh đập chị. Chị đã cố gắng nhẫn nhịn để gia đình được hạnh phúc nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn. Anh Đ không thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn như chị M trình bày, do anh vẫn còn thương, vợ con nên anh không đồng ý ly hôn. Xét yêu cầu và lời trình bày của anh chị thấy rằng: Căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của con anh chị thể hiện: anh chị thực tế có mâu thuẫn với nhau trong một khoảng thời gian dài không điều hòa được. Anh Đ có đánh chị M nhiều lần như lời trình bày của chị M. Chị M không còn tình cảm với anh Đ và cương quyết ly hôn dù đã được động viên, hòa giải để đoàn tụ. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định anh chị không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị M là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có một con chung là Phạm Ngọc Anh T, sinh ngày 19/11/2004, đang sống với chị M. Chị M yêu cầu được nuôi con, anh Đ cũng đồng ý giao con chung cho chị M nuôi dưỡng. Xét thấy, các ý kiến này của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu T nên Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng; ghi nhận chị M không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí*:* Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Kim M đối với anh Phạm Văn Đ. Chị Lê Kim M được ly hôn với anh Phạm Văn Đ. Giữa chị Lê Kim M và anh Phạm Văn Đ không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Ngọc Anh T, sinh ngày 19/11/2004 cho chị Lê Kim M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Lê Kim M không yêu cầu anh Phạm Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Phạm Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Kim M và anh Phạm Văn Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí: Chị Lê Kim M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024187 ngày 03 tháng 5 năm 2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị Lê Kim M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị M biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Đương sự;
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
-UBND xã;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án.

Nguyễn Thành Chung